

**KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GDMN
NĂM HỌC 2023 – 2024**

Căn cứ vào Thông tư 51 Bộ giáo dục và đào tạo ngày 31 tháng 12 năm 2020 và bộ chuẩn phát triển trẻ năm tuổi.

Căn cứ vào kế hoạch của nhà trường, tình hình thực tế của địa phương, chuyên môn xây dựng kế hoạch giáo dục trẻ năm học 2023 – 2024 theo từng độ tuổi cụ thể như sau:

TRẺ 3 – 4 TUỔI

STT	MỤC TIÊU	NỘI DUNG
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT		
MT 1	- Trẻ thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn	- Hô hấp: Hít vào, thở ra. Tay: Co và duỗi tay, bắt chéo 2 tay trước ngực. - Lung, bụng, lườn: Nghiêng người sang trái, sang phải. - Chân: Co duỗi chân. - Bật: Tiến trước, tách chụm, tại chỗ
MT 2	- Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động	- Đi trong đường hẹp (3m x 0,2m). - Đi kiễng gót
MT 3	- Trẻ kiểm soát được vận động	- Chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh. - Chạy chậm 20 -30 cm - Đi, chạy thay đổi hướng theo đường đích dắc.
MT 4	- Trẻ phối hợp tay- mắt trong vận động	- Tung bắt bóng với cô - Chuyển bóng - Tung bóng lên cao và bắt và bóng - Ném xa bằng 1 tay, 2 tay - Thực hiện vận động bò, trườn , trèo
MT 5	- Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp	- Đi kiễng gót liên tục 3m. - Đi bước dòn trên ghế thể dục - Bò, trườn theo hướng thẳng, dích dắc.

MT 6	- Trẻ thực hiện được các vận động, cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động đơn giản	- Cài, cởi cúc. - Xoay tròn cổ tay, tô vẽ nguyệt xích ngoạc - Gập , đan các ngón tay vào nhau
MT 7	- Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động	- Vẽ được hình tròn theo mẫu - Tô, vẽ nguyệt xích ngoạc - Cắt thẳng một đoạn 10cm - Đan tết đơn giản, khâu hột hạt
MT 8	- Trẻ nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh (thịt, cá, trứng, sữa, rau...).	- Trẻ biết gọi tên các món ăn hàng ngày - Trẻ nhận biết một số loại thực phẩm, món ăn quen thuộc .
MT 9	- Trẻ biết tên một số món ăn hàng ngày, biết ăn để chóng lớn khoẻ mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn: trứng rán, cá kho, canh rau...	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất.
MT 10	- Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: uống nước đã đun sôi...	- Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...) - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất.
MT 11	- Trẻ biết sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách	- Sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách - Tập rửa tay bằng xà phòng
MT 12	- Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở	- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. - Nhận biết trang phục theo thời tiết - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khoẻ con người.
MT 13	- Trẻ nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm (bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng...) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết và phòng tránh những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng như: bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng..
MT 14	- Trẻ biết tránh nơi nguy hiểm (ao, hồ, bể nước, giếng...) khi được nhắc nhở	- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm đến tính mạng: Không tự lấy thuốc uống
MT 15	- Trẻ biết tránh một số hành	- Nhận biết và phòng tránh những hành động

	động nguy hiểm khi được nhắc nhở: Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt....	nguy hiểm đến tính mạng: Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt.... - Không tự ý lấy thuốc uống - Không trèo lan can, bàn ghế, không nghịch các vật sắc nhọn - Không đi theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC		
MT 16	- Phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật.	- Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi - Tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc. - Trẻ nhận ra một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm
MT 17	- Quan tâm, hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi như chăm chú quan sát sự vật hiện tượng; hay đặt câu hỏi về đối tượng.	- Đặc điểm nổi bật của các đối tượng - Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm - Trẻ gọi tên các loại đồ dùng đồ chơi
MT 18	- Làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng	- Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi, nước.
MT 19	- Sử dụng giác quan để xem xét tìm hiểu đối tượng: Nhìn, nghe, ngửi, sờ...để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng	- Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm - Một số nguồn nước trong sinh hoạt hàng ngày - Tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc
MT 20	- Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng.	- Một số nguồn nước trong sinh hoạt hàng ngày. - Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hàng ngày - Đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc
MT 21	- Trẻ nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật hiện tượng theo dấu hiệu nổi bật	- Mối liên hệ đơn giản giữa cây quen thuộc với môi trường sống của chúng.
MT 22	- Mô tả những dấu hiệu nổi	- Tên, đặc điểm, công dụng của của một số

	bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo.	phương tiện giao thông quen thuộc - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây gân gũi
MT 23	- Trẻ biết thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình....	- Vẽ, xé, dán, nặn PTGT đơn giản - Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi
MT 24	- Trẻ biết so sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	- Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi - 1 và nhiều - Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng 1 nà nhiều
MT 25	- Trẻ biết tách, gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 3.	- Gộp hai nhóm đối tượng và đếm - Tách một nhóm đối tượng có số lượng 3 thành các nhóm nhỏ hơn..
MT 26	- Trẻ biết đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 4	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 4
MT 27	- Trẻ biết tách, gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 4.	- Gộp hai nhóm đối tượng và đếm - Tách một nhóm đối tượng có số lượng 4 thành các nhóm nhỏ hơn..
MT 28	- Trẻ biết đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5
MT 29	- Trẻ biết tách, gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5.	- Gộp hai nhóm đối tượng và đếm - Tách một nhóm đối tượng có số lượng 5 thành các nhóm nhỏ hơn..
MT 30	- Trẻ biết đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 3	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 3
MT 31	- Nhận ra qui tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại.	- Xấp xếp theo quy tắc 1-1
MT 32	- So sánh hai đối tượng về kích thước và nói được các từ: to hơn/ nhỏ hơn; dài hơn/ ngắn hơn; cao hơn/ thấp hơn; bằng nhau.	- So sánh to nhỏ của hai đối tượng
MT 33	- Trẻ nhận dạng và gọi được	- Nhận biết, gọi tên các hình: vuông, tròn và

	tên các hình.	nhận dạng các hình đó trong thực tế. - Sử dụng hình vuông, hình tròn để lắp ghép - Sử dụng các hình hình học để lắp ghép. - Nhận biết, gọi tên các hình: hình tam giác, hình chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế
MT 34	- Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân: phía trên- phía dưới, phía trước - phía sau, phải- trái.	- Nhận biết phía trên - phía dưới, phía trước - phía sau - Nhận biết tay phải, tay trái, phía phải phía trái của bản thân
MT 35	- Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân: tay phải - tay trái của bản thân	- Trẻ biết vị trí đồ vật so với bản thân
MT 36	- Kể tên và nói được sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựng..khi được hỏi, xem tranh.	- Tên gọi, sản phẩm và ích lợi của một số nghề phổ biến: + Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương. + Quý trọng và biết ơn những sản phẩm của người lao động + Biết bảo vệ giữ gìn và sử dụng tiết kiệm những thành quả lao động.
MT 37	- Nói được tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình.	- Tên của bố mẹ, các thành viên trong gia đình. Địa chỉ gia đình. - Trẻ biết nói tên của bố mẹ, các thành viên trong gia đình. Địa chỉ gia đình khi được người khác hỏi

MT 38	- Nói được tên trường/lớp, địa chỉ gia đình, tên cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường. - Tên lớp mẫu giáo, tên và công việc của cô giáo. - Tên của bố mẹ, các thành viên trong gia đình. Địa chỉ gia đình. - Trẻ nói được địa chỉ nhà, tên trường, lớp, cô giáo, bạn bè...tên đồ dùng đồ chơi trong trường lớp
MT 39	- Trẻ kể tên và nói được sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựng, nghề y, nghề thợ may... khi được hỏi, xem tranh.	- Tên gọi, sản phẩm và ích lợi của một số nghề phổ biến.
MT 40	- Kể được tên lễ hội: Ngày hội bé đến trường, Tết Trung thu qua trò chuyện, tranh ảnh	- Tên một số lễ hội: Ngày khai giảng, Tết Trung thu
MT 41	- Kể được tên một vài danh lam, thắng cảnh ở địa phương.	- Cờ Tổ quốc, tên của di tích lịch sử, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội của địa phương
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ		
MT 42	- Trẻ thực hiện được yêu cầu đơn giản, ví dụ: “Cháu hãy lấy quả bóng, ném vào rổ”.	- Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản.
MT 43	- Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi: đồ chơi	- Hiểu các từ chỉ đồ chơi, đồ dùng quen thuộc - Trẻ hiểu được các từ chỉ người tên đồ vật, hành động, hiện tượng gần gũi quen thuộc
MT 44	- Trẻ lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại.	- Trả lời và đặt các câu hỏi: ai? cái gì? ở đâu? khi nào? - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi
MT 45	- Trẻ nói rõ các tiếng.	- Phát âm các tiếng của tiếng Việt - Trả lời và đặt các câu hỏi: ai? cái gì? ở đâu? khi nào?
MT 46	- Trẻ biết đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự	- Tiếp xúc với chữ, sách truyện. - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau.

	giở sách xem tranh.	<ul style="list-style-type: none"> - Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt: + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu. + Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và “đọc” truyện. + Giữ gìn sách - Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp
MT 47	- Trẻ nhìn vào tranh minh họa và gọi được tên nhân vật trong tranh. Trẻ sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm	<ul style="list-style-type: none"> - Mô tả tranh ảnh có sự giúp đỡ. - Gọi tên các nhân vật, sự vật, hoạt động trong tranh ảnh
MT 48	Trẻ biết kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: thăm ông bà, đi chơi, xem phim,..	<ul style="list-style-type: none"> - Kể lại sự việc - Kể lại tóm tắt câu truyện đã được nghe
MT 49	- Kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn.	<ul style="list-style-type: none"> - Kể lại một vài tình tiết của truyện đã được nghe có sự giúp đỡ. - Nghe và kể lại một vài tình tiết trong câu chuyện
MT 50	- Trẻ biết nói đủ nghe, không nói lí nhí.	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.
MT 51	- Bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện.	- Đóng vai theo lời dẫn chuyện của giáo viên.
MT 52	- Trẻ sử dụng được câu đơn, câu ghép. Sử dụng các từ "Dạ", " Vâng ạ" ... trong giao tiếp	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng - Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu đơn mở rộng. - Trẻ biết chào hỏi và sử dụng những từ biểu thị sự lễ phép .
MT 53	- Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...	- Đọc thuộc các bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.
MT 54	- Đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giở sách xem tranh.	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp xúc với chữ, sách truyện. - Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt: - Trẻ biết cách cầm sách, lật sách, xem sách, nghe đọc sách

MT 55	- Nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh. thích vẽ nguệch ngoạc	- Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và "đọc" truyện. - Tiếp xúc với chữ, sách truyện
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM – KỸ NĂNG XÃ HỘI		
MT 56	- Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân.	- Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính, sở thích của bản thân
MT 57	- Trẻ nói được điều bé thích, không thích.	- Bé yêu thích và tôn trọng các nghề trong xã hội - Nói được điều bé thích và không thích
MT 58	- Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, khi trả lời câu hỏi.	- Tham gia vào các hoạt động
MT 59	- Cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi,...).	- Thực hiện công việc đơn giản được giao (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi,...) - Trẻ cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi,...).
MT 60	- Trẻ nhận ra cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói.
MT 61	- Trẻ biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói.
MT 62	- Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ. Trẻ thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ.	- Trẻ biết Bác hồ là vị lãnh tụ vĩ đại - Trẻ biết kính yêu Bác Hồ
MT 63	- Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Trẻ không tranh giành đồ chơi	- Chờ đến lượt - Chơi hòa thuận với bạn bè - Một số quy định ở lớp và gia đình (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ)
MT 64	- Biết chào hỏi và nói cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở...	- Cử chỉ, lời nói lễ phép (chào hỏi, cảm ơn). - Một số nội quy ở lớp và gia đình (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ) - Nhận biết hành vi "đúng" - "sai", "tốt" - "xấu".
MT 65	- Chú ý nghe khi cô, bạn nói.	- <u>Chú ý nghe khi cô, bạn nói</u> - Cử chỉ, lời nói lễ phép (chào hỏi, cảm ơn).
MT 66	- Cùng chơi với các bạn trong	- Chơi hoà thuận với bạn.

	các trò chơi theo nhóm nhỏ.	- Một số quy định ở lớp và gia đình (để đỡ ùng, đồ chơi đúng chỗ) - Trẻ biết chờ đến lượt
MT 67	- Trẻ thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây.	- Bảo vệ, chăm sóc cây cối - Cách chăm sóc và bảo vệ cây gần gũi
MT 68	- Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định.	- Giữ gìn vệ sinh môi trường.
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THẨM MỸ		
MT 69	- Trẻ vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm, ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của sự vật hiện tượng	- Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi
MT 70	- Trẻ chú ý nghe, tỏ ra thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc. Thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, thích nghe kể chuyện	- Nghe các bài hát, bản nhạc (nhạc thiếu nhi, dân ca). - Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.
MT 71	- Trẻ vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình - Trẻ vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.
MT 72	- Trẻ biết nhận xét sản phẩm tạo hình.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình - Sử dụng một số kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm đơn giản
MT 73	- Trẻ hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc	- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp.
MT 74	- Trẻ biết sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý.	- Sử dụng một số kỹ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm đơn giản - Sử dụng một số kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm đơn giản
MT 75	- Trẻ biết xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản.	- Sử dụng một số kỹ năng cắt, xé dán để tạo ra sản phẩm đơn giản - Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm.

MT 76	- Trẻ biết lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối.	- Sử dụng một số kỹ năng nặn để tạo ra sản phẩm đơn giản - Sử dụng một số kỹ năng nặn để tạo ra sản phẩm
MT 77	- Trẻ biết vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc vận động minh họa theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc	- Vận động đơn giản theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc - Vận động đơn giản theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp.
MT 78	- Hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc.	- Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát - Vận động đơn giản theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc - Nghe các bản nhạc, bài hát thiếu nhi - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách nhịp
MT 79	- Vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, tạo thành bức tranh đơn giản.	- Sử dụng một số kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm đơn giản.
MT 80	- Trẻ biết tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	- Tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích
MT 81	- Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	- Đặt tên cho sản phẩm của mình - Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình.
MT 82	- Trẻ biết vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc.	- Vận động theo ý thích khi hát/nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc. - Vận động theo bài hát, bản nhạc yêu thích, quen thuộc

TRẺ 4 - 5 TUỔI

STT	MỤC TIÊU	NỘI DUNG
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT		
MT 1	- Thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh	- Hô hấp: Hít vào, thở ra. - Tay: Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, nắm, mở bàn tay). - Lưng, bụng, lườn: Cúi về phía trước, ngửa người ra sau. - Chân: Nhún chân, ngồi xổm, bật tại chỗ

MT 2	- Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động.	<ul style="list-style-type: none"> - Đi thăng bằng được trên ghế thể dục - Đi bằng gót chân, đi khuyu gối, đi lùi - Đi trong đường dích dắc đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn. - Đi trong đường zích zắc, tung bóng cho bạn - Bò chui qua cổng, ném trúng đích bằng 2 tay - Nhảy lò cò, bật liên tục về phía trước
MT 3	- Trẻ kiểm soát được vận động	<ul style="list-style-type: none"> - Chạy 15m trong khoảng 10 giây. + Chạy chậm 60 - 80m chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh, dích dắc (đổi hướng) theo vật chuẩn. - Trườn theo hướng thẳng - Trèo lên xuống 5 gióng thang - Trèo qua ghế dài 1,5m X 30cm
MT 4	- Trẻ phối hợp được tay chân trong vận động	<ul style="list-style-type: none"> - Tung bóng lên cao và bắt. - Tung bắt bóng với người đối diện - Đập và bắt bóng tại chỗ - Chuyên, bắt bóng qua đầu, qua chân - Bò bằng bàn tay và bàn chân 3-4m - Bò dích dắc qua 5 điểm - Ném xa bằng 1 tay - Ném xa bằng 2 tay
MT 5	- Trẻ thể hiện nhanh mạnh khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp	<ul style="list-style-type: none"> - Chạy liên tiếp theo hướng thẳng 15m trong 10s - Ném trúng đích xa 2m - Bò dích dắc qua 5 điểm - Bò chui qua cổng, ống dài 1,2m x 0,6m - Bật xa 35 - 40cm. - Bật tách chân, khép chân qua 5 ô. - Bật qua vật cản cao 10 - 15cm - Bật liên tục về phía trước. - Ném trúng đích bằng 1 tay, chạy xa 10m - Đi trong đường zích zắc, bò chui qua cổng - Bật chum tách chân qua 5 ô ,nhảy lò cò
MT 6	- Trẻ thực hiện và phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay mắt trong hoạt động.	<ul style="list-style-type: none"> - Cuộn - xoay tròn cổ tay. - Gập mở các ngón tay - Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vê, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nôi...
MT 7	- Phối hợp được các cử	- Rèn các kỹ năng:

	động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay mắt trong một số hoạt động	- Tô, vẽ hình người, nhà, cây cối, con vật... - Xé, cắt đường thẳng - Lắp ghép hình. - Biết tết sợi đôi - Cài, cởi cúc, khâu, buộc dây.
MT 8	- Trẻ biết một số thực phẩm cùng nhóm: Thịt, cá... có nhiều chất đạm. Rau, quả, chín có nhiều vitamin	- Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm (trên tháp dinh dưỡng). - Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn. - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...).
MT 9	- Trẻ biết kể được tên một số thức ăn cần có trong bữa ăn hàng ngày và cách chế biến đơn giản	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất.
MT 10	- Trẻ biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật	- Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...).
MT 11	- Trẻ thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở: Thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định. Rửa tay bằng xà phòng, lau mặt, đánh răng.	- Đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Tập đánh răng, lau mặt - Rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng.
MT 12	- Trẻ biết tự cầm bát, thìa xúc thức ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.	- Tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.
MT 13	- Trẻ biết bảo vệ sức khỏe, lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết	- Vệ sinh răng miêng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, dày khi đi học
MT 14	- Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống: Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kỹ. Không uống nước lã.	- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. - Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người.

		- Nhận biết một số biểu hiện khi ốm và cách phòng tránh đơn giản.
MT 15	- Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở:	- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm và cách phòng tránh đơn giản. - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khoẻ con người.
MT 16	- Trẻ nhận ra bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng...là nguy hiểm, không đến gần. biết các vật sắc nhọn không nên nghịch	- Nhận ra bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng là nguy hiểm không đến gần, vật sắc nhọn là nguy hiểm không nghịch
MT 17	- Trẻ nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.	- Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: Cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu, - Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc
MT 18	- Trẻ nhận ra những nơi như: hồ, ao, nương nước, suối, bể chứa nước... là nơi nguy hiểm, không được chơi gần.	- Trẻ nhận ra những nơi như: hồ, ao, nương nước, suối, bể chứa nước... là nơi nguy hiểm, không được chơi gần.
MT 19	- Biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở	- Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt Không ăn thức ăn có mùi ôi; không ăn lá, quả lạ... không uống rượu, bia, cà phê; không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn. - Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo.
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC		
MT 20	- Trẻ phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.	- Chức năng của các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể. - Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người

MT 21	- Trẻ biết phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu.	- Phương tiện giao thông: Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 1 - 2 dấu hiệu - Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 1 - 2 dấu hiệu
MT 22	- Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện.	- Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người
MT 23	- Trẻ biết phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu.	- Phương tiện giao thông: Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 1 - 2 dấu hiệu. - Sự khác nhau giữa ngày và đêm - Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng trong gia đình
MT 24	- Trẻ biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán.	- Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi
MT 25	- Trẻ nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi. Ví dụ: "Cho thêm đường/ muối nên nước ngọt/mặn hơn"	- Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống. - Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây
MT 26	- Trẻ sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản	- Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước - Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc
MT 27	- Trẻ nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả
MT 28	- Trẻ biết thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc	- Hát và nêu đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 1 - 2 dấu hiệu.

MT 29	- Trẻ biết thể hiện một số điều quan sát được qua hoạt động tạo hình vẽ, xé, dán, nặn...	- Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người - Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng đồ chơi
MT 30	- Trẻ nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của đồ dùng, đồ chơi và phương tiện giao thông được quan sát.	- Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 1 - 2 dấu hiệu
MT 31	- Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày:(số nhà, số xe...)	- Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe,..)
MT 32	- Trẻ biết sử dụng các số từ 1 - 5 để chỉ số lượng số thứ tự	- Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5
MT 33	- Trẻ biết gộp 2 nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả	- Gộp hai nhóm đối tượng và đếm.
MT 34	- Trẻ biết tách 2 nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả	- Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn.
MT 35	- Trẻ biết đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 10	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.
MT 36	- Trẻ biết so sánh số lượng của 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 10, bằng các cách khác nhau và nói được các từ bằng nhau nhau, nhiều hơn, ít hơn	- So sánh 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 6 và nói được các từ bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn - Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ.
MT 37	- Trẻ biết so sánh và phát hiện ra qui tắc sắp xếp của ít nhất 3 đối tượng và sao chép lại.	- So sánh, phát hiện qui tắc sắp xếp và sắp xếp theo qui tắc.
MT 38	- Trẻ biết sử dụng dụng cụ	- Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo.

	để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh	- So sánh chiều rộng của hai đối tượng - Đo dung tích bằng một đơn vị đo.
MT 39	- Trẻ chỉ ra điểm giống và khác nhau giữa 2 hình	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của các hình: hình vuông, hình chữ nhật. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của các hình: , hình tam giác, hình tròn
MT 40	- Trẻ sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản.	- Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.
MT 41	- Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác	- Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với với bạn khác
MT 42	- Trẻ biết sử dụng lời nói mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày	- Nhận biết các buổi: sáng, trưa, chiều, tối
MT 43	- Trẻ nói họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Mạnh dạn, tự tin tham gia vào các hoạt động. - Thể hiện ý tưởng sáng tạo của mình trong các hoạt động. - Họ tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân.
MT 44	- Trẻ nói tên, địa chỉ của trường, lớp, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên, địa chỉ của trường lớp. Tên và công việc của cô giáo và các cô bác ở trường. - Họ tên và một vài đặc điểm của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường. - Tên, địa chỉ của trường lớp. Tên và công việc của cô giáo và các cô bác ở trường.
MT 45	- Trẻ nói địa chỉ của gia đình mình (số nhà, đường phố/thôn, xóm), tên và công việc của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện	- Một số nhu cầu của gia đình. Địa chỉ gia đình.
MT 46	- Trẻ kể tên, công việc, công cụ, sản phẩm/ích lợi... của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương.

MT 47	- Trẻ kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội:	- Kể tên và đặc điểm ngày 20/11 - Tên, đặc điểm nổi bật của ngày quân đội nhân dân 22/12 - Tên và đặc điểm nổi bật của 8/3 - Tên và đặc điểm nổi bật ngày giải phóng miền nam 30/4 và quốc tế lao động 1/5
MT 48	- Trẻ kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương.	- Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh của quê hương, đất nước.
MT 49	- Trẻ thực hiện được 2 - 3 yêu cầu liên tiếp	- Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu. - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi
MT 50	- Trẻ hiểu được nghĩa một số từ khái quát: Rau, quả, con vật, đồ gỗ...	- Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm.
MT 51	- Trẻ biết lắng nghe và trao đổi với người đối thoại.	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức. - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi
MT 52	- Trẻ nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.	- Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.
MT 53	- Trẻ đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao	- Trả lời và đặt các câu hỏi: ai? cái gì? ở đâu? khi nào? để làm gì? - Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè - Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh - Kể lại truyện đã được nghe - Kể lại sự việc có nhiều tình tiết.
MT 54	- Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.
MT 55	- Trẻ biết kể chuyện có mở đầu, kết thúc.	- Kể lại truyện đã được nghe - Kể lại sự việc có nhiều tình tiết.

MT 56	- Trẻ sử dụng các từ như “mời cô”; “mời bạn”; “cảm ơn”; “xin lỗi”... trong giao tiếp	Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép. Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.
MT 57	- Trẻ sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm	Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép. Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh Trả lời và đặt các câu hỏi: ai? cái gì? ở đâu? khi nào? để làm gì?
MT 58	- Trẻ kể lại sự việc theo trình tự.	Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh. Kể lại sự việc có nhiều tình tiết.
MT 59	Trẻ nói rõ để người nghe có thể hiểu được.	Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.
MT 60	- Trẻ bắt chước được giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện.	Đóng kịch.
MT 61	- Trẻ sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định.	Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép
MT 62	- Trẻ nhận ra một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm	Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ,...) Nhận dạng một số chữ cái.
MT 63	- Trẻ biết chọn sách để xem	Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau.
MT 64	- Trẻ biết sử dụng kí hiệu để “viết”: Tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng	Tập tô, tập đồ các nét chữ
MT 65	- Trẻ biết cầm sách đúng chiều và giở từng trang để xem tranh ảnh. "Đọc" sách theo tranh minh họa. Biết giữ gìn và bảo vệ sách	"Đọc" truyện qua các tranh vẽ. Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt: Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu
LĨNH VỰC PHÁT TÌNH CẢM KỸ NĂNG XÃ HỘI		
MT 66	- Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố mẹ	Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ.
MT 67	- Trẻ nói được điều trẻ	Nói được điều bé thích, không thích, những việc

	thích, không thích. Những việc trẻ có thể làm được	gì bé có thể làm được.
MT 68	- Trẻ tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.	Tham gia vào các hoạt động học, hoạt động góc, hoạt động lao động... Chơi hoà thuận với bạn. Tham gia vào các hoạt động học, hoạt động góc, hoạt động lao động... trẻ chọn góc chơi theo ý thích
MT 69	- Trẻ cố gắng hoàn thành công việc được giao (Trực nhật, dọn đồ chơi).	Thực hiện công việc đơn giản được giao (Trực nhật, dọn đồ chơi) Trẻ cố gắng hoàn thành công việc được giao (Trực nhật, dọn đồ chơi). Trẻ cố gắng hoàn thành công việc được giao (Trực nhật, dọn đồ chơi). Trẻ cố gắng hoàn thành công việc được giao (Trực nhật, dọn đồ chơi). Trẻ cố gắng hoàn thành công việc được giao (Trực nhật, dọn đồ chơi).
MT 70	- Trẻ nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh.	Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (Vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh.
MT 71	- Trẻ biết biểu lộ một số cảm xúc: Vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên.	Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động; vẽ, nặn, xếp hình.
MT 72	- Trẻ biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.	Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước. Kính yêu Bác Hồ.
MT 73	- Trẻ thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	Kính yêu Bác Hồ. Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước
MT 74	- Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, bố mẹ.	Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ ; trật tự khi ăn, khi ngủ ; đi bên phải lề đường) Chờ đến lượt, hợp tác.

MT 75	- Trẻ chú ý nghe cô, bạn nói	Chú ý nghe khi cô, bạn nói. Một số quy định ở nơi công cộng đi bên phải lề đường
MT 76	- Trẻ biết trao đổi, thoả thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung	Chờ đến lượt, hợp tác. Quan tâm, giúp đỡ bạn. Quan tâm, giúp đỡ bạn. Chờ đến lượt, hợp tác. Phân biệt hành vi "đúng" - "sai", "tốt" - "xấu". Quan tâm, giúp đỡ bạn. Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ ; trật tự khi ăn, khi ngủ ; Quan tâm, giúp đỡ bạn. Chờ đến lượt, hợp tác.
MT 77	- Trẻ biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép.
MT 78	- Trẻ biết tiết kiệm điện, nước	Tiết kiệm điện, nước. Tiết kiệm điện, nước. Giữ gìn vệ sinh môi trường. không để tràn nước khi rửa tay. Nhắc nhở người tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng nếu người lớn quên
MT 79	- Trẻ không bẻ cành, bứt hoa, thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc.	Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối. Giữ gìn vệ sinh môi trường.
MT 80	- Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định.	Giữ gìn vệ sinh môi trường.
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THẨM MỸ		
MT 81	- Trẻ thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.	Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.
MT 82	- Trẻ vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gọi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gọi cảm, các bài hát, bản nhạc

MT 83	- Trẻ biết vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa).	Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc. Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu.
MT 84	- Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình.	Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng / đường nét. Sử dụng các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét
MT 85	- Trẻ lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc.	Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc. Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu
MT 86	- Trẻ hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ...	Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát. Nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca). Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát. Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc. Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu. Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc.
MT 87	- Trẻ biết làm lốm, dỗ bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết.	Sử dụng các kỹ năng nặn, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét.
MT 88	- Trẻ biết vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục.	Sử dụng các kỹ năng vẽ để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét. Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra các sản phẩm.
MT 89	- Trẻ biết xé, cắt theo đường thẳng, đường cong... và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục.	Sử dụng các kỹ năng xé dán để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét.
MT 90	- Trẻ nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	Nói lên ý tưởng tạo hình của mình. Đặt tên cho sản phẩm của mình. Tạo ra sản phẩm tạo hình của mình

		Sử dụng các kỹ năng để tạo ra sản phẩm Nói lên ý tưởng tạo hình của mình.
MT 91	- Trẻ lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát.	Lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc. Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát. Lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc
MT 92	- Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình	Đặt tên cho sản phẩm của mình. Tự chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích. Đặt tên cho sản phẩm của mình. Tự chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích

TRẺ 5 – 6 TUỔI

STT	MỤC TIÊU	NỘI DUNG
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT		
MT 1	- Thực hiện đúng, thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/ bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp.	- Hô hấp: Hít vào thở ra... - Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, quay cổ tay, kiễng chân). + Co và duỗi từng tay, kết hợp kiễng chân. Hai tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao. - Lưng, bụng, lườn: + Ngửa người ra sau kết hợp tay giơ lên cao, chân bước sang phải, sang trái. + Quay sang trái, sang phải kết hợp tay chống hông hoặc hai tay dang ngang, chân bước sang phải, sang trái. + Nghiêng người sang hai bên, kết hợp tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái. - Chân: + Đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau. + Nhảy lên, đưa 2 chân sang ngang; nhảy lên đưa một chân về phía trước, một chân về sau.
MT 2	- Trẻ giữ được thăng bằng	+ Đi nôi bàn chân tiến, lùi.

	<p>ơ thể khi thực hiện vận động</p>	<p>Đi bằng mép ngoài bàn chân, đi khuyu gối. Đi trên dây (dây đặt trên sàn), đi trên ván kê dốc. Đi thẳng bằng trên ghế thể dục(2mx0,25x0,35)</p>
MT 3	<p>- Trẻ kiểm soát được vận động (Đi, chạy thay đổi tốc độ)</p>	<p>Đi khuyu gối Đi, chạy thay đổi tốc độ, hướng, đích đặc theo hiệu lệnh.</p>
MT 4	<p>- Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp</p>	<p>Bò, trườn, trèo: +Bò bằng bàn tay và bàn chân 4m-5m Bò đích đặc qua 7 điểm. +Bò chui qua ống dài +Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm +Trèo lên xuống 7 gióng thang (1,5m so với mặt đất) - Bật - nhảy: +Bật liên tục vào vòng. +Bật qua vật cản 15 - 20cm. +Nhảy lò cò ít nhất 5 bước liên tục và đổi chân theo yêu cầu Chạy 18m trong khoảng 5-7 giây.</p>
MT 5	<p>- Trẻ phối hợp tay - mắt trong vận động</p>	<p>Tung, ném, bắt: +Tung bóng lên cao và bắt tại chỗ và với người đối diện khoảng cách 4m. +Đi, đập bắt bóng nảy 4-5 lần liên tục +Đi và đập bắt bóng. +Ném xa bằng 1 tay, 2 tay. +Ném trúng đích bằng 1 tay, 2 tay. + Chuyển, bắt bóng qua đầu, qua chân.</p>
MT 6	<p>- Thực hiện được các vận động: + Uốn ngón tay, bàn tay; xoay cổ tay. + Gập, mở lần lượt từng ngón tay.</p>	<p>Các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay. Cài, cỏi cúc, kéo khoá (phéc mơ tuya), khâu, luồn, buộc dây.</p>
MT 7	<p>- Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động:</p>	<p>+ Vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số. + Cắt được theo đường viền của hình vẽ. + Xếp chồng 12 - 15 khối theo mẫu. + Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu.</p>

		+ Tự cài, cởi cúc, xâu dây giày, cài quai dép, kéo khóa (phéc mơ tuya).
MT 8	- Lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm:	Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm. + Thực phẩm giàu chất đạm: thịt, cá... + Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: rau, quả...
MT 9	- Nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...	Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. Làm quen với một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống.
MT 10	- Biết: ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khỏe mạnh; uống nhiều nước ngọt, nước có gas, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe.	Biết: ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khỏe mạnh; uống nhiều nước ngọt, nước có gas, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe.
MT 11	- Kể được tên một số thức ăn cần có trong bữa ăn hàng ngày: CS19	Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...).
MT 12	- Sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo.	Sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống
MT 13	- Thực hiện được một số việc đơn giản: Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản: Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng.	Tập luyện kỹ năng: Đánh răng, lau mặt, rửa tay bằng xà phòng. Tập luyện một số kỹ năng, thói quen hàng ngày: + Đánh răng, lau mặt, rửa tay bằng xà phòng đúng theo quy trình. + Tự mặc được quần áo đúng cách và cất đúng nơi quy định. . + Giữ đầu tóc, quần áo gọn gàng, sạch sẽ + Đi vệ sinh đúng nơi quy định, sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách. + Có thói quen che miệng khi ho, hắt hơi, ngáp ở mọi lúc, mọi nơi.
MT 14	- Thực hiện được một số việc đơn giản + Đi vệ sinh đúng nơi qui	Thực hiện được một số việc đơn giản + Đi vệ sinh đúng nơi qui định, biết đi xong dội/ giặt nước cho sạch.

	định, biết đi xong dội/ giặt nước cho sạch.	
MT 15	- Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người.	Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người. Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người.
MT 16	- Có một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống:	* Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe + Biết mời cô, mời bạn khi ăn, ăn từ tốn + Ăn hết khẩu phần của mình + Ngồi đúng vị trí, không làm rơi vãi thức ăn + Biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để đảm bảo sức khỏe + Biết ăn quà vặt, uống nước lã là không tốt cho sức khỏe.
MT 17	- Có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh: + Vệ sinh răng miệng: sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy.	Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người. Lựa chọn và sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết. Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết Nhận biết một số biểu hiện khi ốm, nguyên nhân và cách phòng tránh.
MT 18	- Không chơi ở những nơi mất vệ sinh, nguy hiểm: CS 23	Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng. Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.
MT 19	- Biết bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng... là những vật dụng nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần; không nghịch các vật sắc, nhọn.	Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng.
MT 20	- Nhận biết được nguy cơ	Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy

	không an toàn khi ăn uống và phòng tránh	hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng. + Biết cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc sặc,... + Biết không tự ý uống thuốc. + Biết ăn thức ăn có mùi ôi; ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu, bia, cà phê, hút thuốc lá không tốt cho sức khỏe.
MT 21	- Nhận biết được một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ:	Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ. + Khi ở trường: về nhà ngay, không tự ý đi chơi, không đi theo người lạ, nhận quà của người lạ khi không được phép của cô giáo... + Khi ở gia đình phải nghe lời người thân, không tự ý đi chơi, không ra ngoài đường một mình... + ở nơi công cộng: Không leo trèo cây, ban công, tường rào, đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy... Rèn luyện một số thói quen tốt đảm bảo an toàn khi thực hiện các quy định: + Khi ở trường: về nhà ngay, không tự ý đi chơi, không đi theo người lạ, nhận quà của người lạ khi không được phép của cô giáo... + Khi ở gia đình phải nghe lời người thân, không tự ý đi chơi, không ra ngoài đường một mình... + ở nơi công cộng: Không leo trèo cây, ban công, tường rào, đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy...
MT 22	- Biết những nơi như: hồ, ao, bể chứa nước, giếng, bụi rậm ... là nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần.	Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng.
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC		
MT 23	- Trẻ phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét và thảo luận về đặc điểm của	Chức năng của các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể. + Biết sắp xếp và gọi tên nhóm cây, con vật theo đặc điểm chung như: nhóm cây ăn quả, nhóm cây dây leo...; nhóm gia súc, nhóm gia cầm... Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và

	đối tượng.	thứ tự các mùa, đặc điểm của các mùa nơi trẻ sống. Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa. Sự khác biệt của các mùa trong năm
MT 24	- Nhận xét thảo luận sự khác nhau giống nhau về đối tượng được quan sát	Một số đặc điểm, tính chất của nước Đặc điểm công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 2 - 3 dấu hiệu.
MT 25	- Trẻ nghe và thực hiện được các chỉ dẫn liên quan đến 2, 3 hành động	So sánh sự khác nhau và giống nhau của đồ dùng, đồ chơi và sự đa dạng của chúng.
MT 26	- Trẻ biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận	So sánh sự khác nhau và giống nhau của một số con vật, cây, hoa, quả Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 2 - 3 dấu hiệu Quá trình phát triển của cây, con vật; điều kiện sống của một số loại cây, con vật. Thử nghiệm gieo hạt/trồng cây được tưới nước và không tưới, theo dõi và so sánh sự phát triển... Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây Trẻ quan sát bầu trời và dự đoán sắp có mưa, hay nắng...
MT 27	- Trẻ thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận.	Đồ dùng đồ chơi: + Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. + Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. + So sánh sự khác nhau và giống nhau của đồ dùng, đồ chơi và sự đa dạng của chúng. + Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 2 - 3 dấu hiệu.
MT 28	- Trẻ phân loại các đồ dùng, đồ chơi theo công dụng và chất liệu	Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 2 - 3 dấu hiệu. Phân loại đồ dùng thông thường, phương tiện giao thông theo công dụng Phân loại đồ dùng theo chất liệu
MT 29	- Trẻ phân loại các đối tượng theo dấu hiệu khác nhau	Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 2 - 3 dấu hiệu Đặc điểm, ích lợi và tác hại của con vật - Phân loại các loại đồ dùng đồ chơi theo 2 - 3

		dấu hiệu
MT 30	- Tìm tòi, khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh như đặt câu hỏi về sự vật, hiện tượng: Tại sao? như thế nào?	<p>Chức năng của các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể.</p> <p>Đặc điểm công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 2 - 3 dấu hiệu.</p> <p>Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.</p> <p>Đặt câu hỏi vì sao? Như thế nào?</p> <p>Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây.</p> <p>Một vài đặc điểm, tính chất của nước, đất, đá, cát, sỏi.</p> <p>Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước.</p> <p>+ Tại sao có mưa?</p> <p>+ Tại sao nguồn nước lại bị ô nhiễm?</p> <p>+ Tại sao cây, con người lại cần ánh sáng?...</p>
MT 31	- Trẻ biết nhận xét được một số hành vi đúng hoặc sai của con người đối với môi trường	<p>Các nguồn nước trong môi trường sống</p> <p>Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước</p> <p>Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây</p>
MT 32	- Trẻ nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi như: Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người	<p>Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa</p> <p>Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa</p>
MT 33	- Trẻ nhận ra sự thay đổi trong quá trình phát triển của cây, con vật và một số hiện tượng tự nhiên	<p>Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây</p>
MT 34	- Trẻ nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng	<p>Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống.</p>
MT 35	- Trẻ biết thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc	<p>Trẻ nói được về các đối tượng trẻ được quan sát, cảm nắm thông qua lời nói, biểu cảm.</p>

MT 36	- Trẻ nhận xét, thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.	Đặc điểm, ích lợi và tác hại của con vật, cây, hoa, quả Tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc. Sự khác nhau giữa ngày và đêm, Mặt trời, mặt trăng... Các sự vật hiện tượng xung quanh trẻ Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng
MT 37	- Trẻ quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi: bao nhiêu? đây là mấy?...	Đếm trên đối tượng xung quanh và đếm theo khả năng Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe,...). Các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10.
MT 38	- Trẻ biết sử dụng các số từ 5-10 để chỉ số lượng số thứ tự	Nhận biết chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10 Tách gộp trong phạm vi 10 Đếm trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.
MT 39	- Gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và đếm. Tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành hai nhóm bằng các cách khác nhau.	Gộp các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm. Tách gộp các đối tượng bằng nhiều cách khác nhau và đếm
MT 40	- Trẻ đếm trong phạm vi 10, đếm theo khả năng	Đếm trên các đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. Nhận biết các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe,...).
MT 41	- Nhận biết các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.	Nhận biết các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe,...).
MT 42	- Trẻ biết so sánh số lượng của 3 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và nói được kết	So sánh 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 8 và nói được các từ bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn So sánh, phát hiện qui tắc sắp xếp và sắp xếp theo

	quả	qui tắc. so sánh số lượng 3 nhóm đối tượng trong phạm vi 6 Tạo ra qui tắc sắp xếp
MT 43	- Trẻ biết so sánh số lượng của 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 10	So sánh 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và nói được các từ bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn So sánh, phát hiện qui tắc sắp xếp và sắp xếp theo qui tắc.
MT 44	- Trẻ biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu.	Ghép thành cặp những đối tượng có mối liên quan. So sánh, phát hiện qui tắc sắp xếp và sắp xếp theo qui tắc. Tạo ra qui tắc sắp xếp.
MT 45	- Nhận ra qui tắc sắp xếp (mẫu) và sao chép lại.	Tạo ra qui tắc sắp xếp. So sánh, phát hiện qui tắc sắp xếp và sắp xếp theo qui tắc. Tạo ra một số hình hình học bằng các cách khác nhau.
MT 46	- Nhận ra qui tắc sắp xếp (mẫu) và sao chép lại. Sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp	Tạo ra qui tắc sắp xếp. So sánh, phát hiện qui tắc sắp xếp và sắp xếp theo qui tắc. Tạo ra một số hình hình học bằng các cách khác nhau.
MT 47	- Trẻ biết sử dụng được một số dụng cụ để đo và so sánh, nói kết quả.	Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau. Đo độ dài các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo. Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo.
MT 48	- Trẻ biết sử dụng được một số dụng cụ để đong và so sánh, nói kết quả.	Trẻ biết sử dụng được một số dụng cụ để đong và so sánh, nói kết quả. Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau
MT 49	- Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với vật làm chuẩn. mt50	Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ, với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn. Xác định vị trí của đồ vật (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái) so với bản thân trẻ, với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn.
MT 50	- Gọi đúng tên các thứ trong tuần, các mùa trong năm.	Nhận biết hôm qua, hôm nay, ngày mai. Gọi tên các thứ trong tuần.

		Các mùa trong năm
MT 51	- Trẻ nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện (mt 52)	Họ tên, ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình.
MT 52	Trẻ nói tên, tuổi, giới tính, công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	Nhu cầu của gia đình. Địa chỉ gia đình Các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố, mẹ, sở thích của các thành viên trong gia đình
MT 53	- Trẻ nói được địa chỉ, số điện thoại (nếu có) của gia đình mình khi được hỏi, trò chuyện (54)	Nhu cầu của gia đình. Địa chỉ gia đình
MT 54	- Trẻ nói tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện. 55	Họ tên và một vài đặc điểm của các bạn, các hoạt động của trẻ ở trường 5 giác quan của bé Những đặc điểm nổi bật của trường lớp mầm non, công việc của các cô bác trong trường. Đặc điểm, sở thích của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường. + Những đặc điểm nổi bật của trường lớp mầm non. + Biết tên trường, lớp + Địa chỉ của trường
MT 55	- Đặc điểm, sở thích của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường.	Đặc điểm, sở thích của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường.
MT 56	- Trẻ thể hiện sự thân thiện đoàn kết với bạn bè	Họ tên, ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình. Đặc điểm, sở thích của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường.
MT 57	- Nói đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề.	Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương.
MT 58	- Trẻ kể tên ngày lễ, ngày hội như trung thu, ngày hội	Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hoá của quê

	bé đến trường, trò chuyện qua tranh ảnh	hương, đất nước. Ngày hội bé đến trường, Tết Trung thu...qua trò chuyện, tranh ảnh
MT 59	- Trẻ kể được một số địa điểm công cộng gần gũi nơi trẻ sống : mt 60	Trẻ biết kể tên địa điểm công cộng gần gũi nơi trẻ sống.
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ		
MT 60	- Trẻ thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể	Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu liên tiếp.
MT 61	- Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát	Từ khái quát chỉ phương tiện giao thông: đường bộ, đường thủy, đường hàng không, đồ dùng trong gia đình, đồ dùng học tập Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi.
MT 62	- Trẻ sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm... phù hợp với ngữ cảnh	Hiểu các từ khái quát, từ trái nghĩa. Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu liên tiếp. Biết sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm, ... phù hợp với ngữ cảnh.
MT 63	- Trẻ kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện... trong nội dung truyện.	Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu liên tiếp. Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức.
MT 64	- Trẻ lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại.	Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức. Lắng nghe và nhận xét trao đổi, ý kiến của người đối thoại.
MT 65	- Trẻ nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi	Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.
	- Trẻ đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè...	Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.
MT 67	- Trẻ chăm chú lắng nghe người khác và đáp lại bằng cử chỉ, nét mặt, ánh mắt phù	Trả lời các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh: Tại sao? Có gì giống nhau? Có gì khác nhau? Do đâu mà có?.

	hợp	Đặt các câu hỏi: Tại sao? Như thế nào? Làm bằng gì?.
MT 68	- Trẻ kể về một sự việc, hiện tượng nào đó để người khác hiểu được	Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu.
MT 69	- Trẻ dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh,....	Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn, câu ghép khác nhau. Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu. Kể lại truyện đã được nghe theo trình tự. Kể chuyện theo đồ vật, theo tranh. Kể lại sự việc theo trình tự. Đóng kịch.
MT 70	- Trẻ kể lại chuyện đã được nghe	Kể lại truyện đã được nghe theo trình tự. Kể chuyện theo đồ vật, theo tranh. Trả lời các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh: tại sao? có gì giống nhau? có gì khác nhau? do đâu mà có?.
MT 71	- Trẻ đóng được vai của nhân vật trong truyện.	Đóng kịch. Kể chuyện theo đồ vật, theo tranh, chuyện đã được nghe...
MT 72	- Trẻ kể rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được.	Kể lại sự việc theo trình tự. Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.
MT 73	- Trẻ biết chọn sách để đọc và xem	Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau "Đọc" truyện qua các tranh vẽ.
MT 74	- Trẻ biết kể lại được nội dung câu chuyện đã nghe theo trình tự nhất định	"Đọc" truyện qua các tranh vẽ.
MT 75	- Trẻ biết ý nghĩa một số ký hiệu, biểu tượng trong cuộc sống	Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ,...)
MT 76	- Nhận dạng chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt	Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt: + Hướng đọc, viết: Từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ, đọc ngắt nghỉ sau

		<p>các dấu.</p> <p>Nhận dạng các chữ cái.</p> <p>Ôn các chữ cái đã học</p> <p>Tập tô, tập đồ các nét chữ.</p>
MT 77	- Biết “viết” chữ theo thứ tự từ trái qua phải, từ trên xuống dưới	<p>Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt:</p> <p>Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới.</p> <p>Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu.</p> <p>Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách.</p>
MT 78	- Có thói quen giữ gìn và bảo vệ sách	Giữ gìn, bảo vệ sách.
MT 79	- Trẻ biết viết tên của trẻ theo các cách khác nhau	Sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình. Tập tô, tập đồ các nét chữ.
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM , KỸ NĂNG XÃ HỘI		
MT 80	- Trẻ nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại.	<p>Điểm giống và khác nhau của mình với người khác.</p> <p>Sở thích, khả năng của bản thân.</p> <p>Tên, tuổi, giới tính của bản thân, của người thân.</p> <p>Thực hiện công việc được giao (trực nhật, xếp dọn đồ chơi...).</p> <p>Vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình và lớp học.</p>
MT 81	-Trẻ nói được điều trẻ thích, không thích, những việc bé làm được và việc gì bé không làm được.	<p>Sở thích, khả năng, của bản thân</p> <p>Chủ động và độc lập trong một số hoạt động.</p> <p>Mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến</p>
MT 82	- Nói được mình có điểm gì giống và khác bạn (dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng).	<p>Điểm giống và khác nhau của mình với người khác.</p> <p>Điểm giống và khác nhau của mình với người khác.</p> <p>Mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến.</p> <p>Mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến.</p> <p>Mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến.</p>
MT 83	-Trẻ biết được vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình và lớp học. Thực hiện công việc được giao	<p>Vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình và lớp học.</p> <p>Thực hiện công việc được giao (trực nhật, xếp dọn đồ chơi...).</p>

MT 84	- Trẻ biết tự làm một số việc đơn giản hằng ngày (vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi...).	Vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi Một số qui định ở lớp
MT 85	- Trẻ nhận ra được sắc thái biểu cảm của lời nói khi vui, buồn, tức, giận, ngạc nhiên, sợ hãi	Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh, âm nhạc. Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau. Mối quan hệ giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác.
MT 86	- Trẻ biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ.	Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau. Mối quan hệ giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác.
MT 87	- Trẻ thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ	Kính yêu Bác Hồ. Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.
MT 88	- Trẻ biết 1 vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống của quê hương, đất nước.	Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.
MT 89	- Thể hiện sự an ủi và chia vui với người thân và bạn bè CS37	Mối quan hệ giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác.
MT 90	- Thể hiện sự thân thiện, đoàn kết với bạn bè CS50	Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau. Thể hiện sự thân thiện với các bạn trong lớp, trong trường; Biết chia sẻ với các bạn khi chơi và khi thực hiện các hoạt động một cách vui vẻ, Đoàn kết không tranh giành đồ chơi của bạn và biết dùng cách để giải quyết mâu thuẫn giữa các bạn.
MT 91	- Trẻ biết thực hiện được một số quy định ở lớp, gia	Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (Cất đồ chơi vào nơi quy định, không làm ồn nơi

	đình và nơi công cộng	công cộng, vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép) Chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác Quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ bạn. Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi "đúng" - "sai", "tốt" - "xấu".
MT 92	- Trẻ sử dụng một số từ chào hỏi và từ lễ phép phù hợp với tình huống	Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép, lịch sự. Quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ bạn. Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi "đúng" - "sai", "tốt" - "xấu".
MT 93	- Trẻ chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác.	tre biet noi loi yeu thuong Chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác Quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ bạn. Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi "đúng" - "sai", "tốt" - "xấu". Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép, lịch sự
MT 94	- Trẻ biết chờ đến lượt	Tôn trọng, hợp tác, chấp nhận. Quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ bạn.
MT 95	- Sẵn sàng giúp đỡ khi người khác gặp khó khăn CS45	Tôn trọng, hợp tác, chấp nhận. Chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác Quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ bạn.
MT 96	- Trẻ thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc	Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối. Giáo dục trẻ bảo vệ các con vật
MT 97	- Trẻ bỏ rác đúng nơi quy định, biết bảo vệ môi trường sống..	Giữ gìn vệ sinh môi trường. Trẻ bỏ rác đúng nơi quy định, biết bảo vệ môi trường sống..
MT 98	- Trẻ tiết kiệm trong sinh hoạt: tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khoá vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn.	Tiết kiệm điện, nước.
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THẨM MỸ		
MT 99	- Trẻ tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ	Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc

	gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	sống và tác phẩm nghệ thuật.
MT 100	- Trẻ thể hiện cảm xúc và vận động phù hợp với nhịp điệu của bài hát hoặc bản nhạc	Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển). Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.
MT 101	- Chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện.	Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật. Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển). + Hưởng ứng hát theo + Nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp. Nghe và đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, thích nghe và kể câu chuyện phù hợp độ tuổi.
MT 102	- Thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục...) của các tác phẩm tạo hình.	Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật. Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét và bố cục. Về bố cục của các tác phẩm nghệ thuật
MT 103	- Trẻ vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa).	Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc. Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc. Nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc.
MT 104	- Trẻ hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp	Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát.

	với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ...	Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc. Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu.
MT 105	- Trẻ biết sử dụng các vật liệu khác nhau để làm một sản phẩm đơn giản	Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra các sản phẩm. Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc.
MT 106	- Trẻ biết phối hợp các kỹ năng xé, dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối	Sử dụng các kỹ năng xé dán tạo thành sản phẩm có màu sắc, kích thước, đường nét và bố cục Phối hợp các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục. Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng / đường nét và bố cục.
MT 107	- Trẻ biết phối hợp các kỹ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối.	Sử dụng các kỹ năng nặn để nặn thành sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục Sử dụng các kỹ năng nặn để nặn thành sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục Sử dụng các kỹ năng nặn để nặn thành sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục
MT 108	- Trẻ biết phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.	Phối hợp kỹ năng vẽ để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục. Sử dụng các kỹ năng xé dán tạo thành sản phẩm có màu sắc, kích thước, đường nét và bố cục Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng / đường nét và bố cục.
MT 109	- Phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm.	Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra các sản phẩm. Phối hợp các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục.

MT 110	- Phối hợp các kĩ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.	Phối hợp các kĩ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục.
MT 111	- Trẻ tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích.	Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát, bản nhạc yêu thích. Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát, bản nhạc yêu thích. Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát, bản nhạc yêu thích. Tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích.
MT 112	- Trẻ gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn.	Tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích. Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát, bản nhạc yêu thích.
MT 113	- Trẻ nói được ý tưởng thể hiện trong sản phẩm tạo hình của mình	Tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích. Nói lên ý tưởng tạo hình của mình.
MT 114	- Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình	Đặt tên cho sản phẩm của mình. Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát, bản nhạc yêu thích.

- * Lưu ý: - Khối mầm dự kiến 82 mục tiêu. Thực hiện trong 9 chủ đề
- Khối Chồi dự kiến 92 mục tiêu. Thực hiện trong 9 chủ đề
- Khối Lá dự kiến 114 mục tiêu. Thực hiện trong 10 chủ đề

Nghĩa Thành, ngày 6 tháng 9 năm 2023

Người lập

DỰ KIẾN CÁC CHỦ ĐỀ KHỐI MẦM
Năm học: 2023 – 2024

TT	Tên các chủ đề	Sự kiện	Thời gian
I	Trường mầm non:		
Tuần 1	- Trường MN Hoa Bưởi	Trung thu	4 tuần
Tuần 2	- Lớp mầm của bé		6/9 - 29/9
Tuần 3	- Các cô bác trong trường MN		
Tuần 4	- Tết trung thu		
II	Bản thân:		
Tuần 5	- Tôi là ai	20/10	4 tuần
Tuần 6	- Cảm xúc của bé		2/10 - 27/10
Tuần 7	- Cơ thể tôi		
Tuần 8	- Tôi làm gì để lớn lên và khỏe mạnh.		
III	Gia đình		
Tuần 9	- Gia đình của bé		4 tuần
Tuần 10	- Họ hàng của bé		30/10 - 24/11
Tuần 11	- Đồ dùng gia đình		
Tuần 12	- Ngôi nhà bé ở		
IV	Nghề nghiệp:		
Tuần 13	- Nghề giáo viên	Ngày thành lập QĐND VN	4 tuần
Tuần 14	- Bố mẹ bé làm nghề gì		27/11 - 22/12
Tuần 15	- Bé thích làm bác sĩ		
Tuần 16	- Một số nghề truyền thống ở địa phương.		
V	Thế giới động vật:		
Tuần 17	- Bé thích vật nuôi trong gia đình		4 tuần
Tuần 18	- Dưới nước có những con vật gì		25/12 - 19/
Tuần 19	- Động vật sống trong rừng		1/2024
Tuần 20	- Các loại chim và côn trùng mà bé		

	biết		
VI	Thế giới thực vật:		
Tuần 21	- Một số loại cây xanh		4 tuần
Tuần 22	- Bé vui đón tết cổ truyền	Tết cổ truyền	22/1 – 1/3/2024
Tuần 23	- Một số loại rau củ quả		
Tuần 24	- Bé biết những loại hoa gì		
VII	An toàn giao thông:		
Tuần 25	- Một số PTGT đường bộ		4 tuần
Tuần 26	- Một số PT giao thông đường thủy		4/3 - 29/3
Tuần 27	- Mình cùng lên tàu nào		
Tuần 28	- Bé được đi máy bay chưa?		
VIII	Nước và hiện tượng thiên nhiên		
Tuần 29	- Nước		4 tuần
Tuần 30	- Một số hiện tượng thời tiết	30/4 và 1/5	1/4 – 19/4
Tuần 31	- Các mùa trong năm		
IX	Quê hương - Đất nước- Bác Hồ		
Tuần 32	- Thủ đô Hà Nội		3 tuần
Tuần 33	- Đất nước Việt Nam diệu kì		22/4 - 17/ 5
Tuần 34	- Đăk Nông quê em		
Tuần 35	- Bác Hồ kính yêu		

DỰ KIẾN CÁC CHỦ ĐỀ KHỐI CHỖI
Năm học: 2023 – 2024

TT	Tên các chủ đề	Sự kiện	Thời gian
I Tuần 1 Tuần 2 Tuần 3 Tuần 4	Trường mầm non - Trường MN Hoa Bưởi thân yêu - Lớp chồi yêu thương - Các cô bác trong trường MM - Tết trung thu	Trung thu	4 tuần 6/9 - 29/9
II Tuần 5 Tuần 6 Tuần 7 Tuần 8	Bản thân - Tôi là ai - Cảm xúc của bé - Cơ thể tôi - Tôi làm gì để lớn lên và khỏe mạnh.	20/10	4 tuần 2/10 - 27/10
III Tuần 9 Tuần 10 Tuần 11 Tuần 12	Gia đình - Gia đình của bé - Họ Hàng của bé - Đồ dùng gia đình - Ngôi nhà bé ở		4tuần 30/10 - 24/11
IV Tuần 13 Tuần 14 Tuần 15 Tuần 16	Nghề nghiệp - Nghề giáo viên - Bố mẹ bé làm nghề gì - Bé thích làm bác sĩ - Một số nghề truyền thống ở địa phương.	Ngày thành lập QĐND VN	4 tuần 27/11 - 22/12
V Tuần 17 Tuần 18 Tuần 19 Tuần 20	Thế giới động vật: - Bé thích vật nuôi trong gia đình - Dưới nước có những con vật gì - Động vật sống trong rừng - Các loại chim và côn trùng mà bé biết		4 tuần 25/12 - 19/ 1/2024
VI Tuần 21 Tuần 22 Tuần 23 Tuần 24	Thế giới thực vật: - Một số loại cây xanh - Bé vui đón tết cổ truyền - Một số loại rau củ quả - Bé biết những loại hoa gì	Tết cổ truyền	4 tuần 22/1 – 1/3/2024

VII Tuần 25 Tuần 26 Tuần 27 Tuần 28	An toàn giao thông: - Một số PTGT đường bộ - Một số PT giao thông đường thủy - Minh cùng lên tàu nào - Bé được đi máy bay chưa?		4 tuần 4/3 - 29/3
VIII Tuần 29 Tuần 30 Tuần 31	Nước và hiện tượng thiên nhiên: - Nước - Một số hiện tượng thời tiết - Các mùa trong năm	30/4 và 1/5	3tuần 1/4 – 19/4
IX Tuần 32 Tuần 33 Tuần 34 Tuần 35	Quê hương - Đất nước- Bác Hồ - Thủ đô Hà Nội - Đất nước Việt Nam diệu kì - Đăk Nông quê em - Bác Hồ kính yêu		4 tuần 22/4 - 17/ 5

DỰ KIẾN CÁC CHỦ ĐỀ KHỐI LÁ
Năm học: 2023 – 2024

TT	Tên các chủ đề	Sự kiện	Thời gian
I Tuần 1 Tuần 2 Tuần 3	Trường mầm non - Trường MN Hoa Bưởi thân yêu - Lớp mầm của bé - Các cô, bác trong trường MN		06/09/2023- 22/09/2023
II Tuần 4 Tuần 5 Tuần 6	Bản thân - Vui đón trung thu - Tôi là ai-Cơ thể tôi - Tôi làm gì để lớn lên và khỏe mạnh.	- Tết trung thu	25/09/2023- 13/10/2023
III Tuần 7 Tuần 8 Tuần 09 Tuần 10	Gia đình của bé- Gia đình tôi - Gia đình tôi - Ngôi nhà của bé - Đồ dùng trong gia đình - Họ hàng gia đình bé	- 20/10	16/10/2023 – 10/11/2023
IV Tuần 11 Tuần 12 Tuần 13 Tuần 14	Nghề nghiệp - Bố mẹ bé làm nghề gì - Lớn lên bé thích làm cô giáo - Nghề sản xuất - Một số nghề truyền thống, phổ biến ở địa phương.	- NGVN 20/11	13/11/2023 – 08/12/2023
V Tuần 15 Tuần 16 Tuần 17 Tuần 18	Thế giới động vật - Bé thích vật nuôi trong gia đình - Động vật sống trong rừng - Dưới nước có những con vật gì - Các loại chim và côn trùng mà bé biết	- 22/12 - Tết DL	11/12/2023 – 5/01/2024
VI Tuần 19 Tuần 20 Tuần 21 Tuần 22	Thế giới thực vật - Một số loại rau củ - Một số loại hoa quả - Cây xanh và môi trường sống - Một số cây lương thực	- Tết cổ truyền	8/1/2024 – 2/2/2024
VII Tuần 23	An toàn giao thông - Phương tiện giao thông đường bộ	- QTPN 8/3	

Tuần 24	- Phương tiện giao thông đường sắt, đường hàng không.		19/02/2024 – 15/3/2024
Tuần 25	- Luật lệ giao thông		
Tuần 26	- Biển báo giao thông		
VIII	Nước và hiện tượng thiên nhiên	Giỗ tổ Hùng Vương 10/3 AL	18/3/2024 – 05/4/2024
Tuần 27	- Nước		
Tuần 28	- Hiện tượng thời tiết và các mùa		
Tuần 29	- Ngày và đêm		
IX	Quê hương - Đất nước- Bác Hồ		
Tuần 30	- Đất nước Việt Nam diệu kì	- 30/4 và 1/5	08/04/2024 - 03/5/2024
Tuần 31	- Thủ đô Hà Nội		
Tuần 32	- Đăk Nông quê em	- 19/5	
Tuần 33	- Bác Hồ kính yêu		
X	Trường tiểu học		
Tuần 34	- Trường tiểu học như thế nào nhỉ?		06/05/2024- 17/05/2-24
Tuần 35	- Bé chuẩn bị đi học lớp 1.		